

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐAN PHƯỢNG

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6

Thời gian làm bài: 45 phút (dành cho phân môn Địa lí)

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	MỨC ĐỘ NHẬN BIẾT								% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Tại sao cần học Địa lí ?	<ul style="list-style-type: none">- Những khái niệm cơ bản và kĩ năng chủ yếu- Những điều lí thú khi học môn Địa lí- Địa lí và cuộc sống	2								
2	Chương 1 Bản đồ - phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất	<ul style="list-style-type: none">- Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ- Các yếu tố cơ bản của bản đồ- Các loại bản đồ thông dụng- Lược đồ trí nhớ	2 1					1* 1*			

3	Chương 2 Trái Đất - hành tinh của hệ Mặt Trời	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí của Trái đất trong hệ Mặt trời - Hình dạng , kích thước trái đất - Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí 	1								
Tỉ lệ %			20%	15%	15%						50%
Tỉ lệ chung của môn Địa lí			35%		15%						50%

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 6

Thời gian làm bài: 45 phút (dành cho phân môn Địa lí)

TT	Nội dung kiến thức/ kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Mức độ kiến thức/kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	- TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÝ?	<ul style="list-style-type: none"> - Những khái niệm cơ bản và kĩ năng chủ yếu. - Những điều lí thú 	Nhận biết Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống.	2TN			

		<p>khi học môn Địa lí.</p> <p>- Địa lí và cuộc sống.</p>	<p>Thông hiểu</p> <p>- Hiểu được tầm quan trọng của việc nắm các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và trong sinh hoạt.</p> <p>Vận dụng</p> <p>- Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú của việc học môn Địa lí.</p>				
2	<p>- BẢN ĐỒ: PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT.</p>	<p>- Hệ thống kinh vĩ tuyến. Tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ</p> <p>- Các yếu tố cơ bản của bản đồ.</p> <p>- Các loại bản đồ thông dụng.</p> <p>- Lược đồ trí nhớ.</p>	<p>Nhận biết</p> <p>Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu.</p> <p>- Đọc được các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.</p> <p>Thông hiểu</p> <p>- Đọc và xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.</p> <p>Vận dụng</p> <p>- Ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.</p>	3TN			

			<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ. - Biết tìm đường đi trên bản đồ. - Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh. 			<p>1TL*</p> <p>1TL*</p>	
3	TRÁI ĐẤT - HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. - Hình dạng, kích thước Trái Đất - Chuyển động của Trái Đất và hệ quả Địa lí. 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. - Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất. - Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh trục và quanh Mặt Trời. 	3TN			
			<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực (múi giờ). - Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau - Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa. 		1TL*	1TL*	
			<p>Vận dụng</p>			1TL	

			<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến. - So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất. 				
Tổng				8 câu (2,0đ)	1 câu (1,5đ)	2câu (1,5đ)	
Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức				20%	15%	15%	
Tỉ lệ chung (%)				35%		15%	

ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

GIỮA HỌC KÌ I

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6

(Thời gian: 45 phút dành cho phân môn Địa lí)

ĐỀ BÀI

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng:

Câu 1: Để thể hiện đường giao thông, hướng di chuyển của gió, người ta sẽ sử dụng loại kí hiệu nào

- A. Kí hiệu điểm
- B. Kí hiệu đường
- C. Kí hiệu diện tích
- D. Kí hiệu hình học

Câu 2: Những loại kí hiệu bản đồ nào dưới đây thường được sử dụng rộng rãi.

- A. Kí hiệu điểm, kí hiệu hoa văn, kí hiệu nền.
- B. Kí hiệu đường, kí hiệu hoa văn, kí hiệu nền.
- C. Kí hiệu điểm, kí hiệu đường, kí hiệu diện tích.
- D. Kí hiệu diện tích, kí hiệu hoa văn, kí hiệu nền.

Câu 3. Một phương tiện đặc biệt để mô tả hiểu biết cá nhân về một địa phương gọi là

- A. sơ đồ trí nhớ.
- B. lược đồ trí nhớ.
- C. bản đồ trí nhớ.
- D. bản đồ không gian.

Câu 4: Trái đất có dạng hình nào dưới đây.

- A. Hình cầu.
- B. Hình bán nguyệt.
- C. Hình cái đĩa.
- D. Hình vuông.

Câu 5: Trái đất nằm ở vị trí thứ mấy theo thứ tự xa dần mặt trời

A.1 B. 2 C. 3 D.4

Câu 6: Hướng chuyển động tự quay quanh trục của Trái đất là:

- A. Từ Đông sang Tây. B. Từ Tây sang Đông.
C. Từ Bắc xuống Nam. D. Từ Nam lên Bắc.

Câu 7: Việc học địa lí không giúp học sinh phát triển kỹ năng nào sau đây

- A. Sử dụng bản đồ
B. Phân tích và xử lí thông tin
C. Xác định phương hướng
D. Cảm nhận âm thanh

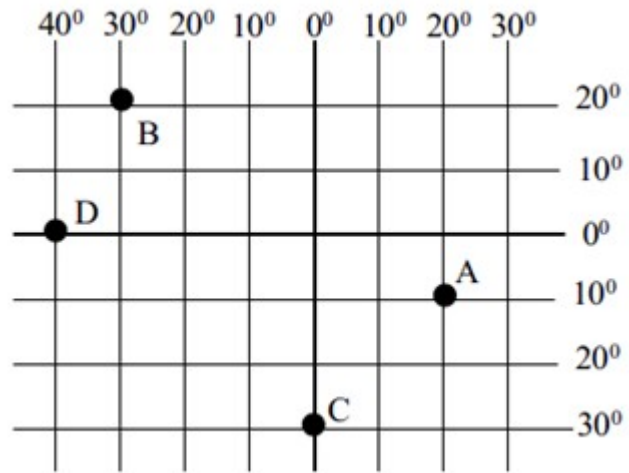
Câu 8: Trong học tập, rèn luyện các kỹ năng địa lí thì bản đồ là

- A. cuốn sách giáo khoa.
B. phương tiện.
C. bách khoa toàn thư.
D. cẩm nang tri thức.

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm): Trình bày hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau trên trái đất . Giải thích tại sao có hiện tượng đó.

Câu 2 (1,0 điểm): Quan sát hình dưới đây ghi tọa độ địa lí của các điểm A, B, C, D.



Câu 3 (0,5 điểm): Mô tả sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến.